

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3-KHÁNH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2026/HNGĐ-ST
Ngày 27-3-2026
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hương

Ông Đỗ Hữu Minh Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3-Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 04/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2026/QĐST-HNGĐ ngày 27/3/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Anh Th - sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn Thủy Xương, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng Th - sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn Thủy Xương, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 11 năm 2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị Anh Th trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hồng Th tự nguyện chung sống với nhau và có kết hôn tại UBND xã Vĩnh Phương (nay là phường Tây Nha Trang) vào năm 2003. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống dẫn đến hay cãi vã. Ông Th thường xuyên đánh đập bà. Đã vậy vợ chồng sống chung với mẹ chồng nhưng mẹ chồng thường xuyên kiểm chuyện gây sự với bà. Nhiều lần tôi đã khởi kiện ra tòa nhưng sau đó nghĩ cho con cái nên bà đã rút đơn để hàn gắn gia đình nhưng không có kết quả. Nay bà xác định không còn tình cảm yêu thương với ông Th, bà không thể tiếp tục chung sống với

một người chồng như vậy được nữa, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Th.

Về con chung: 02 con chung là Nguyễn Phan Hồng A, sinh ngày 07/10/2003 và Nguyễn Xuân M, sinh ngày 30/12/2010. Cháu A đã thành niên, khỏe mạnh nên bà không có yêu cầu giải quyết, cháu M thì bà có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con vì bà vẫn đảm bảo được khả năng nuôi dưỡng con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- *Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Hồng Th trình bày:* Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn ông thống nhất như lời trình bày của bà Th. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhưng mà từ lâu rồi và lần đó ông có xô xát với bà Th, sau đó bà Th có nộp đơn ly hôn với ông đến tòa. Tòa án hòa giải và vợ chồng đoàn tụ về. Gần đây nhất vào tháng 9/2025 bà Th tiếp tục nộp đơn khởi kiện ly hôn ra tòa nhưng sau đó bà Th tiếp tục rút đơn về, bà Th nộp đơn vì trước đó khoảng tháng 8/2025 ông có đánh bà Th cũng chỉ vì bà Th hỗn láo với mẹ ông. Nay ông xác định vẫn còn tình cảm với bà Th, mâu thuẫn giữa ông và bà Th vẫn có thể hàn gắn được nếu bà Th có sự thông cảm và hòa hợp với mẹ ông. Mẹ ông thì già cả đang sinh sống với ông nên ông không thể ra ở riêng được. Do đó, ông không đồng ý ly hôn với bà Th.

Về con chung: 02 con chung là Nguyễn Phan Hồng A, sinh ngày 07/10/2003 và Nguyễn Xuân M, sinh ngày 30/12/2010. Cháu A đã thành niên, khỏe mạnh nên ông không có yêu cầu giải quyết, còn cháu M thì ông đồng ý giao cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bị đơn vắng mặt.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Khánh Hòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Anh Th đối với ông Nguyễn Hồng Th. Về con chung: Nguyễn Phan Hồng A, sinh ngày 07/10/2003 đã thành niên, khỏe mạnh; bà Th và ông Th không có yêu cầu giải quyết nên không xét. Giao con chung Nguyễn Xuân M, sinh ngày 30/12/2010 cho bà Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ghi nhận việc bà Th tự nguyện không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Bà Th và ông Th xác định tự thỏa thuận nên không xét. Về nợ chung: Bà Th và ông Th xác định không có nên không xét. Bà Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Anh Th và ông Nguyễn Hồng Th tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Ph, thành phố N Tr (nay là phường T N Tr), tỉnh Khánh Hòa và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 24 vào ngày 13/3/2003 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống, bà Th và ông Th đều xác định giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến hay cãi vã. Ông Th cũng thừa nhận có đánh đập bà Th. Nhiều lần bà Th đã khởi kiện ra tòa nhưng sau đó rút đơn khởi kiện cho ông Th cơ hội thay đổi để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả. Tại các buổi làm việc tại Tòa án, bà Th đều xác định không còn tình cảm với ông Th, mặc dù ông cố gắng níu kéo nhưng tình cảm bà giành cho ông Th đã không còn. Hôn nhân là phải xuất phát từ tình yêu thương tự nguyện, tiến bộ, không bạo lực gia đình. Từ những nhận định trên có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Th và ông Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị Anh Th được ly hôn với ông Nguyễn Hồng Th là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về con chung: Bà Th và ông Th có 02 con chung là Nguyễn Phan Hồng A, sinh ngày 07/10/2003 và Nguyễn Xuân M, sinh ngày 30/12/2010. Cháu Nguyễn Phan Hồng An đã thành niên, khỏe mạnh; bà Th và ông Th không có yêu cầu giải quyết nên không xét. Theo yêu cầu của bà Th và ý kiến của ông Th cần giao con chung Nguyễn Xuân M cho bà Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà Th tự nguyện không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung: Bà Th và ông Th xác định tự thỏa thuận nên không xem xét, giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Bà Th và ông Th đều xác định không có nên không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Bà Phan Thị Anh Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Phan Thị Anh Th được ly hôn với ông Nguyễn Hồng Th.

2. Về con chung:

Giao con chung Nguyễn Xuân M, sinh ngày 30/12/2010 cho bà Phan Thị Anh Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc bà Th tự nguyện không yêu cầu ông Nguyễn Hồng Th cấp dưỡng nuôi con.

Ông Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Quá trình nuôi dưỡng con chung, bà Th, ông Th có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Th và ông Th xác định tự thỏa thuận nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Th và ông Th đều xác định không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phan Thị Anh Th phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Th đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000093 ngày 06/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa (Phòng THADS khu vực 3 - Khánh Hòa). Bà Th đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quy định: Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 3-Khánh Hòa;
- Phòng THADS khu vực 3-Khánh Hòa;
- UBND phường T Nh Tr (xã V Ph cũ - Giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 13/3/2003);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Hoa

